TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ	Ninh Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Bảo L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Bảo L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Bảo L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu: Bùi Ngọc L1, sinh ngày 19/02/2006, cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 20/9/2010. Khi ly hôn anh C, chị L thỏa thuận: Đối với cháu Bùi Ngọc L1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc T kể từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và

các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh C, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh C, chị L mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh C chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh C đã nộp theo Biên lai số 0000425 ngày 11/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ khi thi hành án. Trả lại anh C số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 6 - Ninh Bình;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TƯƠI